

HỆ GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG QUẢNG NINH: TIẾP CẬN TỪ LĂNG KÍNH CỔ KẾT CỘNG ĐỒNG VÀ GIÁO DỤC LỊCH SỬ

Phan Thị Huệ^{1*}, Nguyễn Thị Ngọc Lan¹

¹Trường Đại học Hạ Long

* Email: phanthihue@daihochalong.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/10/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 05/12/2025

Ngày chấp nhận đăng: 12/12/2025

TÓM TẮT

Quảng Ninh, một không gian văn hóa đa tầng ở vùng Đông Bắc Việt Nam, sở hữu hệ thống gần 100 lễ hội truyền thống đặc sắc. Trong bối cảnh xã hội đương đại, các lễ hội này đối mặt với thách thức trong việc cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Bài báo tập trung phân tích sâu hai hệ giá trị cốt lõi của lễ hội truyền thống Quảng Ninh: giá trị cổ kết cộng đồng và giá trị giáo dục lịch sử, vốn được xem là “ADN văn hóa” tạo nên sức sống bền bỉ cho di sản. Bằng phương pháp phân tích định tính, tổng hợp tư liệu và nghiên cứu các trường hợp điển hình là các lễ hội đã được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, nghiên cứu luận giải rằng hai hệ giá trị này không tĩnh tại mà luôn được tái tạo thông qua các thực hành nghi lễ, trở thành cơ chế xã hội hiệu quả để củng cố bản sắc, đoàn kết xã hội và trao truyền ký ức lịch sử. Từ đó, bài báo đề xuất một số giải pháp mang tính chiến lược nhằm bảo tồn và phát huy bền vững các giá trị của lễ hội trong bối cảnh mới.

Từ khóa: *cổ kết cộng đồng, di sản văn hóa phi vật thể, giáo dục lịch sử, hệ giá trị, lễ hội truyền thống, Quảng Ninh.*

THE VALUES OF TRADITIONAL FESTIVALS IN QUANG NINH: THE APPROACH FROM THE PERSPECTIVE OF COMMUNITY COHESION AND HISTORICAL EDUCATION

ABSTRACT

Quang Ninh is a multilayered cultural landscape in Northeastern Vietnam which has nearly one hundred distinctive traditional festivals. In the context of contemporary social change, these festivals face increasing pressures to reconcile heritage preservation with socio-economic development. This article focuses on an in-depth analysis of two core value systems of traditional festivals in Quang Ninh: the value of community cohesion and the value of historical education, which are regarded as the “cultural DNA” underpinning the enduring vitality of this heritage. Using qualitative methods, including document analysis, data synthesis, and case studies of festivals recognized as National Intangible Cultural Heritage, the research demonstrates that these values are not static. Instead, they are continually reconstituted through ritual practices, serving as effective social mechanisms for reinforcing cultural identity, strengthening communal solidarity, and transmitting historical memory across generations. The article proposes strategic recommendations to ensure the sustainable safeguarding and development of festival values in the contemporary context.

Keywords: *community cohesion, historical education, intangible cultural heritage, Quang Ninh, traditional festivals, value system.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quảng Ninh, dải đất hình vòng cung nơi địa đầu Đông Bắc Việt Nam, từ lâu đã được định vị trên bản đồ văn hóa – du lịch quốc gia và thế giới không chỉ là nơi sở hữu Kỳ quan – Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, mà còn là một không gian văn hóa đa tầng, một bảo tàng lịch sử sống động. Đây là vùng đất hội tụ đầy đủ các dạng địa hình biển – đảo, đồng bằng, trung du và miền núi và là nơi chung sống của 43 tộc người với những giá trị văn hóa đặc sắc. Trong đó, hệ thống lễ hội truyền thống với gần 100 lễ hội lớn nhỏ chính là biểu hiện tập trung, kết tinh rực rỡ nhất của đời sống tinh thần và kí ức lịch sử của các cộng đồng dân cư.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế thị trường, lễ hội truyền thống đang đối mặt với nhiều thách thức như: nguy cơ thương mại hóa, sân khấu hóa, hay sự đứt gãy trong trao truyền văn hóa giữa các thế hệ.... Vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo tồn và nuôi dưỡng sức sống nội tại của lễ hội, để các giá trị cốt lõi tiếp tục được lan tỏa và đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Bài báo tập trung phân tích hai hệ giá trị được xem là nền tảng của lễ hội truyền thống Quảng Ninh: giá trị cốt kết cộng đồng và giá trị giáo dục lịch sử. Chúng tôi cho rằng, đây là những giá trị động, giúp lễ hội vượt qua những biến thiên của lịch sử để trở thành một thành tố văn hóa đặc sắc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận định tính làm chủ đạo nhằm tìm hiểu sâu sắc bản chất, ý nghĩa và bối cảnh phức tạp của lễ hội truyền thống Quảng Ninh. Các phương pháp cụ thể gồm:

Phân tích và tổng hợp tài liệu: Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu, hồ sơ di sản và tư liệu lịch sử liên quan để xây dựng khung lí thuyết và cái nhìn tổng quan về đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu trường hợp điển hình (Case Study): Tập trung phân tích 08 lễ hội tiêu biểu đã được công nhận là DSVHPVTQG gồm: lễ hội Tiên Công, lễ hội Xuống đồng, lễ hội Bạch Đằng, lễ hội đèn Cửa Ông, lễ hội đình Quan

Lạn, lễ hội đình Trà Cổ, lễ hội đình Vạn Ninh, lễ hội đình Đầm Hà. Việc lựa chọn các trường hợp này đảm bảo tính đại diện cho các loại hình lễ hội: tôn vinh anh hùng dân tộc, tri ân tổ tiên, tín ngưỡng nông nghiệp và đình làng. Cách tiếp cận này giúp luận giải chi tiết cơ chế vận hành của hai hệ giá trị cốt lõi từ thực tiễn.

Điều dã dân tộc học: Đây là phương pháp chủ đạo để thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua quan sát tham dự tại không gian lễ hội. Các kĩ thuật ghi chép, ghi hình được thực hiện nhằm thu thập tư liệu gốc khách quan, phản ánh sinh động đời sống di sản.

Phỏng vấn sâu: Nhằm thu thập thông tin đa chiều và những kiến giải sâu sắc. Các cuộc phỏng vấn sâu đã được thực hiện với ba nhóm đối tượng chính: chủ thể văn hóa, nhà quản lí văn hóa và cộng đồng địa phương nhằm thu thập thông tin đa chiều, làm rõ nhận thức và những giá trị ẩn sau nghi lễ từ góc nhìn của người trong cuộc.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khái niệm lễ hội và hệ giá trị

Lễ hội truyền thống là hình thái văn hóa – tín ngưỡng phức hợp, mang tính cộng đồng và định kì, kết hợp hài hòa giữa phần Lễ (nghi thức trang nghiêm) và phần Hội (hoạt động thể tục). Bài báo này tiếp cận khái niệm lễ hội truyền thống theo định nghĩa của tác giả Phan Thị Huệ (2018): “*Lễ hội truyền thống là loại hình sinh hoạt văn hoá cộng đồng diễn ra trên một địa bàn dân cư trong thời gian và không gian xác định nhằm nhắc lại một sự kiện, nhân vật lịch sử hay huyền thoại; đồng thời là dịp để biểu hiện cách ứng xử văn hóa của con người với thiên nhiên, thần linh và con người trong xã hội*”

Dưới lăng kính xã hội học, lễ hội thực hiện các chức năng xã hội quan trọng: Émile Durkheim (1912) coi đây là trạng thái “sôi sục tập thể” giúp tái tạo đoàn kết xã hội; trong khi Victor Turner (1966) nhấn mạnh tính “cộng đồng tính”, nơi không gian lễ hội xóa bỏ ranh giới cấu trúc thường nhật để tạo ra sự gắn bó bình đẳng. Trên nền tảng đó, hệ giá trị lễ hội được xác lập là tập hợp các giá trị cốt lõi giúp định hướng nhận thức và củng cố bản sắc cộng đồng, tập trung vào hai hệ giá trị trung tâm:

Giá trị cổ kết cộng đồng: Duy trì sự đoàn kết, tương trợ thông qua ý thức cội nguồn và các hành động tập thể, biến lễ hội thành cơ chế tái sản xuất sự gắn bó xã hội hiệu quả nhất.

Giá trị giáo dục lịch sử: Lưu giữ và truyền thụ kí ức tập thể thông qua nghi lễ, diễn xướng. Lễ hội đóng vai trò như một “trường học lịch sử” trực quan, giúp các thế hệ bồi đắp lòng tự hào và trách nhiệm với di sản.

3.2. Đặc điểm và phân loại lễ hội truyền thống ở Quảng Ninh

Quảng Ninh sở hữu một hệ thống di sản lễ hội truyền thống phong phú và đa dạng, phản ánh sâu sắc những đặc trưng văn hóa – lịch sử của vùng đất. Với sự phân bố rộng khắp từ biển đảo, đồng bằng, đến vùng núi cao, các lễ hội gắn liền với đời sống của cộng đồng người Kinh và các dân tộc thiểu số, tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc thái. Dựa trên nội dung, ý nghĩa và đối tượng thờ phụng, có thể phân loại hệ thống lễ hội ở Quảng Ninh thành các nhóm chính sau:

Nhóm lễ hội tôn vinh anh hùng dân tộc, gắn với lịch sử chống ngoại xâm: Những lễ hội này mang đậm tính sử thi, quy mô lớn nhằm khẳng định truyền thống bất khuất của dân tộc trong các cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc, tiêu biểu: lễ hội Bạch Đằng (phường Quảng Yên), lễ hội Đền Cửa Ông (phường Cửa Ông) và lễ hội đình Quan Lạn (Đặc khu Vân Đồn).

Nhóm lễ hội ghi nhớ công ơn tổ tiên khai hoang, lập làng: Đây là những lễ hội thể hiện sâu sắc đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”, tri ân các bậc tiền nhân đã có công khai phá đất đai, tiêu biểu là lễ hội Tiên Công (phường Phong Cốc), lễ hội đình Trà Cổ (phường Móng Cái 1).

Nhóm lễ hội tín ngưỡng nông nghiệp: Là các lễ hội gắn với chu kì canh tác, cầu mong mùa màng bội thu, vạn vật sinh sôi, tiêu biểu: lễ hội Xuông đồng (phường Phong Cốc).

Nhóm lễ hội đình làng: Đây là những lễ hội có hình thái tín ngưỡng cốt lõi cấp làng xã, thờ Thành hoàng làng – vị thần bảo trợ cộng đồng tiêu biểu: lễ hội đình Đàm Hà (xã Đàm Hà), lễ hội đình Vạn Ninh (phường Móng Cái 2).

Các trường hợp phân tích trong bài là những lễ hội điển hình đã được công nhận là

Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đảm bảo tính toàn diện đề luận giải hai hệ giá trị: cổ kết cộng đồng và giáo dục lịch sử.

3.3. Biểu hiện và vai trò của các giá trị cốt lõi

Qua phân tích các trường hợp điển hình, hai hệ giá trị cổ kết cộng đồng và giáo dục lịch sử được biểu hiện một cách đa dạng, lồng ghép vào nhau, tạo nên sức mạnh và ý nghĩa sâu sắc cho các lễ hội truyền thống ở Quảng Ninh.

3.3.1. Hệ giá trị cổ kết cộng đồng – Sức mạnh mềm kiến tạo bản sắc và sự đoàn kết

Trong dòng chảy của xã hội hiện đại, khi các mối liên kết truyền thống có xu hướng lỏng lẻo hơn, thì lễ hội nổi lên như một không gian đặc biệt, một cơ chế xã hội hữu hiệu để tái tạo và củng cố sự đoàn kết từ cấp độ gia đình, dòng họ đến làng xã, cộng đồng:

(1) Cổ kết từ cội nguồn chung: Kí ức tổ tiên và bản sắc dòng tộc

Ý thức về cùng một nguồn cội là sợi dây gắn kết bền chặt nhất. Lễ hội là dịp để kí ức về tổ tiên được làm sống lại, biến những khái niệm trừu tượng về “gốc gác”, “dòng họ” thành những trải nghiệm cụ thể.

Lễ hội Tiên Công là một điển hình về sự cổ kết dựa trên kí ức tổ tiên. Lễ hội không thờ một vị thần linh trừu tượng mà thờ chính những con người bằng xương bằng thịt, đó chính là 17 vị Tiên Công đã có công “quai đê lấn biển”, khai sinh ra vùng đất này từ thế kỉ XV (Phan Thị Huệ, 2018). Tâm điểm của lễ hội là nghi thức “Rước thọ” các cụ ông, cụ bà thượng thọ (trên 80 tuổi, 90 tuổi và 100 tuổi), hậu duệ của các Tiên Công. Đây không chỉ là một hoạt động chúc mừng tuổi thọ đơn thuần. Đám rước với kiệu son, cờ lọng, phường bát âm, con cháu sum vầy đưa các cụ về miếu tổ để làm lễ là một nghi thức mang tính biểu tượng sâu sắc. Nó khẳng định sự tiếp nối không ngừng của các thế hệ, vinh danh công lao của người đi trước và thể hiện niềm tự hào của con cháu. Quá trình chuẩn bị cho một đám rước đòi hỏi sự chung tay của cả dòng họ, làng xóm trong nhiều tháng. Sự phân công, hợp tác này tạo ra một mạng lưới liên kết xã hội chặt chẽ, vượt qua những va chạm thường nhật, tất cả cùng hướng về một mục tiêu chung: làm vinh dự cho gia đình, dòng họ và tỏ lòng thành kính với tổ tiên.

Tương tự, lễ hội đình Trà Cổ lại củng cố sự cố kết từ một kí ức di cư độc đáo. Huyền tích về 12 gia đình ngư dân từ Đồ Sơn (Hải Phòng) phiêu dạt đến đây lập nghiệp được tái hiện sống động. Lễ hội không chỉ là dịp để tri ân các vị Thành hoàng mà còn là dịp để cộng đồng nhớ về gốc gác của mình. Hoạt động “thi Ông Voi” với việc các xóm thi nhau nuôi lợn to, đẹp nhất để châu thân, tế thần, không chỉ khuyến khích chăn nuôi mà còn biến thành một cuộc “tranh tài” danh dự. Niềm tự hào của gia đình có “Ông Voi” đoạt giải lan tỏa thành niềm vui chung của cả cộng đồng và được thắt chặt thêm bằng bữa cỗ khao làng tại đình từ chính thịt của “Ông Voi” thắng cuộc, thể hiện sự sẻ chia, cộng cảm sâu sắc (Sở Văn hoá và Thể thao, 2019).

(2) Cố kết cộng đồng thông qua tín ngưỡng và lao động sản xuất

Trong các cộng đồng nông nghiệp truyền thống, lễ hội là một thiết chế văn hóa – xã hội không thể thiếu, vận hành như một khâu trọng yếu trong chu trình sản xuất. Lễ hội không chỉ kiến tạo không gian thiêng cho mối tương giao giữa con người với thế giới thần linh và tự nhiên, mà còn hoạt động như một cơ chế xã hội hiệu quả nhằm điều phối và củng cố các hoạt động lao động tập thể.

Một minh chứng điển hình là lễ hội Xuống đồng (Hạ điền) ở phường Phong Cốc, được tổ chức vào đầu tháng 6 âm lịch để khởi đầu vụ mùa mới. Lễ hội thể hiện sâu sắc các giá trị tín ngưỡng và vai trò gắn kết xã hội. Lễ hội khởi đầu bằng việc rước Thành hoàng từ miếu Cốc về đình Cốc. Đây là nghi thức thỉnh mời ngài về chứng giám lòng thành của con cháu và chung vui ngày hội. Tiếp đó, các nghi lễ chính được cử hành, bao gồm lễ tế Thần Nông và Thành hoàng tại đình Cốc. Trọng tâm của lễ hội là lễ “Hạ điền” (cấy xuống đồng) do một vị cao niên uy tín (chủ tế) chủ trì. Sau khi làm lễ cáo thần Nông (tại đình), lễ cúng thổ thần xứ đồng (tại ruộng cấy), vị chủ tế sẽ cấy những cây lúa đầu tiên quanh một cây nêu, đồng thời đọc lời cầu nguyện cho một mùa vụ bội thu. Hành động mang tính biểu tượng này không chỉ đánh dấu sự khởi đầu linh thiêng cho vụ mùa mà còn có tác dụng quy tụ cộng đồng mạnh mẽ. Dưới sự chứng kiến của toàn thể cư dân, khát vọng chung về một vụ mùa sung túc tạo ra sự đồng

thuận và nhịp điệu lao động thống nhất, qua đó củng cố tinh thần đoàn kết cộng đồng hướng đến mục tiêu sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh tín ngưỡng nông nghiệp, sự cố kết còn được biểu hiện đặc sắc qua các nghi lễ gắn với lao động kiến tạo không gian sống, điển hình là nghi lễ “động thổ” trong lễ hội Tiên Công. Sau khi lễ tạ ơn 17 vị Tiên Công hoàn tất, hai vị cao niên khỏe mạnh (hai cụ thượng) sẽ thực hiện nghi lễ đắp đê mang tính tượng trưng. Trước cửa miếu, trên một con đê nhỏ do dân làng chuẩn bị sẵn, các cụ sẽ đặt lên đó những hòn đất vuông vắn. Nghi lễ này chính thức khởi đầu cho một chu kỳ lao động mới. Chỉ khi nghi lễ thiêng liêng này hoàn tất, cả làng mới cùng nhau ra quân đào mương, bồi đê, canh tác, biến hành động lao động của mỗi cá nhân thành một hoạt động tập thể đồng lòng (Phan Thị Huệ, 2022).

Nghi lễ này chính là bài học sống động về lịch sử, tái hiện công cuộc “quai đê lấn biển” gian khổ, nhắc nhở thế hệ sau về nguồn cội và công lao của tổ tiên. Quan trọng hơn, nó hun đúc ý thức về sự sinh tồn chung của cả một cộng đồng sống trên vùng đất thấp hơn mực nước biển. Con đê không phải của riêng ai, mà là sinh mệnh của cả làng. Vì vậy, nghi lễ “động thổ” vừa là một hoạt động tâm linh kết nối cộng đồng với quá khứ, vừa là lời hiệu triệu cho sự đoàn kết ở hiện tại, khẳng định trách nhiệm chung trong việc bảo vệ thành quả của tiền nhân và vun đắp tương lai duy trì sự sống cho toàn bộ vùng đảo.

(3) Cố kết cộng đồng qua ký ức lịch sử và tinh thần thượng võ

Kí ức về những chiến công chung là một chất liệu vô cùng mạnh mẽ để hun đúc tinh thần đoàn kết và niềm tự hào tập thể.

Lễ hội đình Quan Lạn là một minh chứng xuất sắc về chiến thắng giặc Nguyên – Mông và tôn vinh tướng Trần Khánh Dư. Điểm nhấn độc đáo nhất là hội thi bơi chèo thuyền rồng giữa hai giáp Đông Nam Văn và Đoài Bắc Võ. Đây không đơn thuần là một cuộc thi thể thao, mà là một hình thức tái hiện việc luyện tập thủy binh của cha ông xưa. Để chuẩn bị, trai tráng hai giáp phải luyện tập cùng nhau hàng tháng trời, đòi hỏi kỉ luật, sự phối hợp và ý chí sắt đá. Cuộc đua là một hình thức “xung đột

ngghi lễ” – sự cạnh tranh quyết liệt nhưng không làm rạn nứt cộng đồng. Ngược lại, nó hun đúc tinh thần tập thể trong từng giáp và cuối cùng, niềm tự hào của người chiến thắng trở thành niềm tự hào chung của cả xã đảo Quan Lạn.

Các lễ hội đình làng như đình Đàm Hà, đình Vạn Ninh, đình Trà Cổ thực hiện chức năng cổ kết ở quy mô làng xã. Ngôi đình là trái tim, vị Thành hoàng là vị thần hộ mệnh chung. Lễ hội đình hàng năm là dịp để tái khẳng định các quy ước, hương ước của làng, là dịp để người dân xa quê tìm về, củng cố mối liên kết với quê cha đất tổ. Mọi người cùng nhau đóng góp công sức, tiền của để lo việc làng, qua đó tinh thần “mình vì mọi người, mọi người vì mình” được đề cao và phát huy.

3.3.2. Hệ giá trị giáo dục lịch sử – Bảo tàng sống động của kí ức và niềm tự hào

Lịch sử nếu chỉ nằm trong sách vở sẽ chỉ là những kí tự khô khan. Lễ hội đã đưa lịch sử ra khỏi những trang giấy, biến nó thành những trải nghiệm, những cảm xúc, những bài học trực quan sinh động thấm sâu vào tâm khảm của mỗi người dân.

(1) Diễn xướng hóa lịch sử quốc gia: Kí ức hào hùng về chống ngoại xâm

Quảng Ninh, với vị trí chiến lược, đã chứng kiến nhiều trận huyết chiến bảo vệ Tổ quốc. Kí ức bi tráng và hào hùng đó được “bảo tồn động” thông qua các lễ hội, nơi lịch sử không nằm yên trên trang giấy mà được tái hiện một cách sống động.

Lễ hội Bạch Đằng có thể được xem là một “sử thi diễn xướng” về ba lần chiến thắng quân xâm lược trên dòng sông lịch sử. Tâm điểm của lễ hội là lễ rước tượng Trần Hưng Đạo và các nghi lễ tế yết, đặc biệt là màn tái hiện trận chiến năm 1288. Hàng trăm người trong trang phục quân lính nhà Trần trên những thuyền rồng tái hiện cảnh đóng cọc, dụ địch và nhấn chìm thuyền giặc đã tạo ra một hiệu ứng cảm xúc cực kì mạnh mẽ. Người tham dự, đặc biệt là thế hệ trẻ, không chỉ “biết” về chiến thắng Bạch Đằng, mà còn “thấy”, “nghe” và “cảm” được không khí của trận chiến. Bài học về trí tuệ, lòng dũng cảm và tinh thần đoàn kết của cha ông được truyền tải một cách tự nhiên và sâu sắc.

Lễ hội đền Cửa Ông lại là một bài học lịch sử tập trung vào một nhân vật anh hùng: Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tăng. Lễ hội là cách mà hậu thế kể lại câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của một vị tướng tài ba. Đám rước Đức Ông đi vi hành uy nghi, trang trọng, tái hiện cảnh triều đình xưa. Các huyền tích về lòng hiếu thảo của ông với cha (Trần Hưng Đạo), về tài năng quân sự, về sự linh thiêng của ông sau khi mất được các bậc cao niên kể lại, các bản văn tế xướng lên, tạo thành một không gian giáo dục lịch sử đa chiều. Lễ hội đã xây dựng nên một tượng đài văn hóa bất tử về Trần Quốc Tăng trong lòng nhân dân.

Một minh chứng sống động khác cho việc diễn xướng hóa lịch sử là lễ hội đình Quan Lạn, nơi tái hiện chiến công của tướng Trần Khánh Dư đánh tan đoàn thuyền lương của quân Nguyên – Mông ngay trên vùng biển Vân Đồn. Tâm điểm của lễ hội là hội đua thuyền, không đơn thuần là một cuộc thi tài mà là một màn tái hiện trận thủy chiến năm xưa. Từ *tục khóa làng* mang ý nghĩa giới nghiêm khi có giặc, đến việc các binh sĩ hai giáp Văn và Võ trong trang phục truyền thống, diễu hành uy nghiêm và thực hành các kĩ thuật chiến đấu. Trong cuộc đua, các tay chèo ra sức đâm mái dầm, vớt nước thật nhanh theo nhịp trống trận hào hùng, mô phỏng kĩ thuật tấn công và sự đồng tâm hiệp lực của quân đội nhà Trần. Ba vòng đua trên biển còn mang ý nghĩa tượng trưng cho ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên – Mông, hun đúc nên “Hào khí Đông A” bất diệt. Qua đó, chiến công và tinh thần thượng võ của cha ông không chỉ được kể lại, mà còn được sống lại trong từng nhịp chèo, từng tiếng hò reo, trở thành một bảo tàng sống động về nghệ thuật quân sự và lòng yêu nước.

(2) Sân khấu hóa lịch sử khai hoang, lập ấp: Kí ức về sự khởi đầu

Lịch sử không chỉ có chiến tranh, mà còn là lịch sử của lao động, của quá trình con người chinh phục tự nhiên, kiến tạo quê hương.

Lễ hội Tiên Công là một bài học lịch sử độc đáo về công cuộc “quai đê lấn biển”. Mỗi nghi lễ, mỗi hoạt động trong lễ hội đều xoay quanh câu chuyện về 17 vị Tiên Công. Lễ hội giáo dục cho con cháu về sự gian khổ, trí tuệ và tầm nhìn của tổ tiên, những người đã biến một vùng sinh

lây ven biển thành một hòn đảo trù phú. Nó nhắc nhở thế hệ sau phải biết trân quý thành quả lao động, trân trọng từng tấc đất do cha ông để lại và có trách nhiệm tiếp tục xây dựng quê hương.

Lễ hội đình Trà Cổ giáo dục lịch sử về quá trình di cư và lập nghiệp. Nó là một cuốn “gia phả sống” của cả một cộng đồng, nhắc nhở mọi người về gốc gác của mình, về mối liên hệ với vùng đất tổ Đồ Sơn. Bài học về sự đoàn kết, tương trợ để vượt qua khó khăn nơi đất khách quê người trong buổi đầu lập nghiệp vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay.

(3) Bảo tồn lịch sử địa phương qua tín ngưỡng Thành hoàng

Bên cạnh lịch sử quốc gia, mỗi làng xã đều có một trang sử riêng và lễ hội đình làng chính là cơ chế bảo tồn và truyền bá trang sử đó. Lễ hội đình Đầm Hà và đình Vạn Ninh cùng thờ Thái úy Lý Thường Kiệt, người đã có công dẹp yên vùng biên giới Đông Bắc, ổn định đời sống nhân dân và khẳng định chủ quyền quốc gia. Việc tôn thờ ông làm Thành hoàng ở hai ngôi đình này cho thấy sự ghi nhận và biết ơn sâu sắc của người dân địa phương đối với công lao của một anh hùng dân tộc trong việc bảo vệ và xây dựng vùng đất biên ải. Các nghi lễ, đám rước trong lễ hội chính là cách người dân “kể lại” câu chuyện lịch sử về việc ổn định biên cương, tạo ra một sự gắn bó sâu sắc với quê hương, bản quán.

Thông qua việc thờ phụng các vị Thành hoàng, những câu chuyện về sự tích của các ngài được kể lại qua nhiều thế hệ và được sân khấu hóa qua các nghi lễ, trở thành một phần của ký ức tập thể cộng đồng (Ngô Đức Thịnh, 2022). Các lễ hội này không chỉ giáo dục người dân về lịch sử hình thành của chính ngôi làng mình đang sống mà còn củng cố niềm tự hào, ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy những giá trị di sản của cha ông.

3.4. Thách thức và sự biến đổi của các hệ giá trị trong bối cảnh đương đại

Mặc dù các giá trị cốt lõi vẫn là linh hồn của lễ hội, nhưng trong bối cảnh xã hội hiện đại, chúng đang phải đối mặt với những thách thức và sự biến đổi sâu sắc.

Nguy cơ từ thương mại hóa và du lịch hóa: Áp lực phát triển du lịch đôi khi biến lễ hội

thành một “sản phẩm” hơn là một sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng. Sự xuất hiện của các dịch vụ thương mại không phù hợp trong không gian thiêng, hay việc tổ chức các hoạt động chỉ nhằm thu hút khách du lịch có thể làm phai nhạt tính thiêng và sự tham gia tự nguyện của cộng đồng. Điều này tác động tiêu cực đến giá trị cốt kết cộng đồng, khi mối liên kết dựa trên niềm tin và trách nhiệm chung bị thay thế bởi các quan hệ kinh tế.

Tác động của “sân khấu hóa”: Để phục vụ khán giả và du khách, nhiều nghi lễ, diễn xướng bị thay đổi hoặc trình diễn theo kịch bản định sẵn, làm mất đi tính nguyên bản và linh hoạt vốn có. Việc “sân khấu hóa” có thể làm cho giá trị giáo dục lịch sử bị sai lệch, biến những nghi thức thiêng liêng thành một màn trình diễn giải trí đơn thuần, thiếu chiều sâu cảm xúc và ý nghĩa giáo dục.

Sự đứt gãy trong trao truyền thế hệ: Giới trẻ ngày nay có nhiều hình thức giải trí và mối quan tâm nên sự hiểu biết, tham gia vào các nghi lễ truyền thống ngày càng hạn chế. Nếu không có những người kề cận am hiểu sâu sắc về các quy trình, ý nghĩa của nghi lễ, các giá trị của lễ hội sẽ dần mai một. Đây là thách thức lớn nhất đối với sự tồn tại bền vững của cả hai hệ giá trị.

Vấn đề trong quản lý và tổ chức: Sự can thiệp đôi khi quá sâu của các cơ quan quản lý vào việc tổ chức lễ hội có thể làm giảm vai trò của cộng đồng chủ thể. Việc áp đặt các mô hình tổ chức “lễ hội văn minh” một cách máy móc có thể vô tình làm mất đi những nét độc đáo, dân dã, vốn là chất keo gắn kết cộng đồng.

Tuy nhiên, sự biến đổi không hoàn toàn tiêu cực. Việc được công nhận là di sản quốc gia, sự quan tâm của truyền thông và du lịch cũng mang lại nguồn lực để phục dựng các nghi lễ, tu bổ di tích và nâng cao niềm tự hào của cộng đồng. Vấn đề cốt lõi là tìm ra một điểm cân bằng hợp lý giữa bảo tồn và phát triển.

3.5. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị lễ hội truyền thống tỉnh Quảng Ninh theo hướng bền vững

Để bảo tồn và phát huy bền vững giá trị của các lễ hội truyền thống Quảng Ninh, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Lấy cộng đồng làm trung tâm (Community-based Conservation): Cần khẳng định và đề cao vai trò chủ thể của cộng đồng địa phương. Mọi chính sách, kế hoạch bảo tồn và phát triển cần có sự tham vấn, đồng thuận và tham gia trực tiếp của người dân; cần có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích các nghệ nhân, các bậc cao niên và những người am hiểu về lễ hội tiếp tục thực hành và trao truyền tri thức cho thế hệ trẻ.

Đẩy mạnh giáo dục di sản trong nhà trường và cộng đồng: Tích hợp nội dung về lịch sử, văn hóa các lễ hội tiêu biểu của địa phương vào chương trình giáo dục tại các cấp học; tổ chức các buổi nói chuyện, các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi tìm hiểu để thế hệ trẻ tiếp cận và yêu quý di sản của quê hương. Điều này sẽ trực tiếp củng cố giá trị giáo dục lịch sử và tạo ra lớp người kế cận cho di sản.

Phát triển du lịch có trách nhiệm và bền vững: Xây dựng các mô hình du lịch dựa vào di sản, trong đó lợi ích kinh tế được chia sẻ một cách công bằng cho cộng đồng địa phương và tái đầu tư cho công tác bảo tồn; hướng dẫn du khách tham gia lễ hội với thái độ tôn trọng tín ngưỡng và văn hóa bản địa; cần có quy hoạch không gian lễ hội hợp lý, tách biệt khu vực dịch vụ thương mại khỏi không gian thực hành nghi lễ cốt lõi để không làm ảnh hưởng đến tính thiêng.

Tăng cường nghiên cứu, tư liệu hóa và số hóa di sản: Tiếp tục đầu tư cho công tác nghiên cứu chuyên sâu, ghi chép, quay phim, chụp ảnh một cách hệ thống các nghi lễ, diễn xướng, tri thức dân gian liên quan đến lễ hội; xây dựng các kho dữ liệu số, bảo tàng ảo 3D về lễ hội để lưu giữ và phổ biến các giá trị này một cách rộng rãi, đặc biệt là trong giới trẻ.

Hoàn thiện cơ chế chính sách và vai trò của nhà nước: Nhà nước cần đóng vai trò định hướng, hỗ trợ về pháp lý, nguồn lực và chuyên môn, thay vì can thiệp trực tiếp vào nội dung và hình thức của lễ hội; cần có chính sách vinh danh, đãi ngộ xứng đáng cho các nghệ nhân, những người nắm giữ và thực hành di sản, xem họ là những “báu vật nhân văn sống”.

4. KẾT LUẬN

Lễ hội truyền thống Quảng Ninh là một thiết chế xã hội đặc thù, nơi giao thoa giữa hai hệ giá trị cốt lõi: cố kết cộng đồng và giáo dục lịch sử. Bằng phương pháp tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học, xã hội học và lịch sử học, bài viết luận giải các giá trị này không tĩnh tại mà luôn được tái tạo thông qua các thực hành nghi lễ, trở thành “ADN văn hóa” duy trì sức sống bền bỉ cho di sản.

Tính khoa học của nghiên cứu được minh chứng qua việc vận dụng các lý thuyết kinh điển để phân tích 08 trường hợp điển hình là các Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Kết quả cho thấy việc diễn xướng hóa quá khứ không chỉ lưu giữ ký ức tập thể mà còn tạo ra cơ chế xã hội hiệu quả để củng cố bản sắc và đoàn kết xã hội trong bối cảnh đương đại.

Trong xu thế hội nhập, việc nhận diện đúng giá trị cốt lõi và thực hiện các giải pháp bảo tồn dựa vào cộng đồng chính là chìa khóa để lễ hội Quảng Ninh phát huy vai trò nguồn lực nội sinh, đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương và đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Durkheim, É. (1912). *The Elementary Forms of the Religious Life*. New York: The Free Press.
- Hue, P.T., Ninh, N.H., Son, Q.V. & Dinh, L.K. (2022). Tien Cong Festival (Ha Nam Island, Quang Yen Town, Quang Ninh Province): Unique Cultural Characteristics and Festival Protection Solution. *The Future of Heritage Science and Technologies*, DOI https://doi.org/10.1007/978-3-031-17594-7_32, 433–444.
- Ngô Đức Thịnh. (2022). *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Hà Nội.
- Phan Thị Huệ. (2018). *Giáo trình Lễ hội truyền thống tiêu biểu Quảng Ninh*. Thái Nguyên: Nxb Đại học Thái Nguyên.
- Sở Văn hoá và Thể thao. (2019). *Lịch di sản văn hoá phi vật thể lễ hội đình Trà Cổ*.
- Sở Văn hoá và Thể thao. (2019). *Lịch di sản văn hoá phi vật thể lễ hội đình Quan Lạn*.
- Turner, V. (1966). *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure*. Chicago: Aldine Publishing Company.